

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2023/DS-ST

Ngày: 07- 7- 2023

“V/v tranh chấp thừa kế, tranh chấp hợp đồng tặng cho, yêu cầu vô hiệu di chúc, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cao

2. Ông Nguyễn Ngọc Ân

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lan Chi – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và 07 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 286/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp thừa kế, tranh chấp hợp đồng tặng cho, yêu cầu vô hiệu di chúc, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2023/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Đ: Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1974. Địa chỉ: Số 37 đường số 17, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 12/4/2023)

- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1965. Địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông H: Chị Huỳnh Lê Hồng L, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Long An. (Văn bản ủy quyền ngày 17/3/2023)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Huỳnh Thị Y, sinh năm 1969. Địa chỉ: 207 Khu 3, ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

+ Bà Huỳnh Thị D, sinh năm 1967. Địa chỉ: Số 151, ấp 4, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

+ Bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1972. Địa chỉ: 224, ấp P, xã L, huyện B, Long An.

+ Bà Huỳnh Thị Thanh T, sinh năm 1979. Địa chỉ: 55/2 T, Phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Ông Lê Đình Huy Tuấn, sinh năm 1974. Địa chỉ: 182 Văn Thân, Phường 7, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà Lê Thị Minh T, sinh năm 1969. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

+ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An: Bà Phạm Thị Quyên- Phó Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B (Văn bản ủy quyền số 5928/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 08/9/2022)

(Ông Thảo, bà Đ, chị L có mặt, còn lại có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Đ và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Cụ Lê Thị Giử (chết năm 2011) và cụ Huỳnh CH (chết năm 2007) có 06 người con chung gồm: Huỳnh Văn H, Huỳnh Thị Y, Huỳnh Thị D, Huỳnh Thị C, Huỳnh Thị Thanh T, Huỳnh Thị Đ. Cha mẹ của cụ Giử và cụ CH đều đã chết. Cụ Giử và cụ CH không có con riêng, con nuôi.

Khi còn sống, do ông H không phụng dưỡng chăm sóc nên cụ Giử và cụ CH đã lập bản di chúc không đề ngày tháng, đề năm 2002 được Ủy ban nhân dân xã T chứng thực ngày 27/6/2002 có nội dung giao toàn bộ các tài sản là thửa đất số 59, 60, 62, 441, cùng tờ bản đồ số 6 (thửa cũ là 77, 80, 81, TBĐ số 3) tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Long An cho bà Đ được trọn quyền sử dụng, bà Đ có nghĩa vụ thờ cúng ông bà tổ tiên. Nguồn gốc toàn bộ các thửa đất trên là do mẹ của cụ Lê Thị Giử là cụ bà Nguyễn Thị Vĩ cho cụ Giử. Tuy toàn bộ di sản là tài sản của cụ Giử nhưng do cụ Giử có chồng là cụ CH nên cả H cùng lập ký tên vào di chúc. Di chúc được lập khi các cụ còn minh mẫn, đúng ý chí và đúng quy định của pháp luật.

Sau khi cụ CH chết, năm 2007 cụ Giử thay đổi một phần ý chí trong di chúc, lập hợp đồng tặng cho bà Đ thửa đất số 441 TBĐ số 6 (tách ra từ thửa 80 cũ) là phần đất thổ giáp ranh với thửa đất số 62, TBĐ số 6. Gắn liền với 2 thửa đất là 01 căn nhà cấp 4 do cụ Giử và cụ CH xây dựng. Trên đất có một phần căn nhà nhưng do đã có di chúc thể hiện việc sẽ để lại di sản cho bà Đ nên cụ Giử chỉ tặng cho một phần đất, không đề cập đến phần căn nhà nêu trên. Việc tặng cho được tất cả các chị em trong gia đình biết và đồng ý, riêng ông H không biết.

Từ khi cha mẹ chết đến nay bà Đ không được ở trên căn nhà do ông H ngăn cản. Bà Đ là người canh tác trên phần đất lúa và sửa chữa, cải tạo một số chi tiết trong nhà

nhưng không yêu cầu xem xét công sức đóng góp đồng thời không tranh chấp đối với phần mả, cây trồng trên đất và tài sản có trong nhà.

Bà Đ đồng ý với kết quả đo đạc, định giá. Việc bản vẽ thể hiện ranh bản đồ địa chính không trùng khớp với ranh giới gia đình bà Đ đang sử dụng (diện tích sử dụng thực tế ít hơn so với diện tích hồ sơ cấp giấy), bà Đ không có ý kiến tranh chấp gì trong vụ án, thống nhất diện tích đất đang tranh chấp là diện tích thực tế sử dụng.

Bà Đ khởi kiện yêu cầu nhận di sản thừa kế theo di chúc tài sản do cha mẹ bà Đ để lại, cho bà Đ được đứng tên gồm:

- Các thửa đất cùng tài sản gắn liền với đất thuộc các thửa 59, 60, 62 tờ bản đồ số 6, tất cả các thửa đất trên tọa lạc tại xã T, huyện B, Long An.

- Một phần căn nhà gắn liền với thửa đất số 441, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Long An do cụ Giữ và cụ CH xây dựng.

Bị đơn ông Huỳnh Văn H và người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn là bà Huỳnh Lê Thị Hồng L trình bày: Về thời gian mất và hàng thừa kế của cụ Giữ và cụ CH, ông H thống nhất với lời trình bày của bà Đ. Di sản của cụ Giữ và cụ CH để lại gồm: Các thửa số 59, 60, 441, 62 tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Long An và tài sản gắn liền với đất. Bà Đ trình bày di sản chỉ có các thửa 59, 60, 62 là không đúng. Ông H không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Đ và cho rằng bản di chúc không có hiệu lực do chữ ký trong bản di chúc không phải của cụ CH. Cụ CH là người Hoa, không biết tiếng Việt nhưng ông H không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định đối với chữ ký của cụ CH. Từ khi cụ Giữ và cụ CH mất đến nay, người thực hiện nghĩa vụ thờ cúng là ông H, các đồng thừa kế khác đã tự nguyện giao bìa đỏ, chìa khóa nhà cho ông H quản lý di sản. Ngoài ra, ông H còn sửa chữa nhà, chăm sóc các cây trồng trên đất. Đối với thửa đất số 411, tờ bản đồ số 6 (mới), tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Long An, khi còn sống, cụ Giữ lập hợp đồng tặng cho bà Đ thửa đất trên mà ông H không được biết là không đúng vì đây là tài sản chung của cụ Giữ và cụ CH.

Ông H đồng ý với kết quả đo đạc, định giá, không yêu cầu định giá lại. Việc bản vẽ thể hiện ranh bản đồ địa chính không trùng khớp với ranh giới đất đang sử dụng (diện tích sử dụng thực tế ít hơn so với diện tích hồ sơ cấp giấy), ông H không có ý kiến tranh chấp gì trong vụ án, thống nhất diện tích đất đang tranh chấp là diện tích thực tế sử dụng. Đối với phần mả, cây trồng trên đất và tài sản trong nhà, ông H không tranh chấp.

Ông H phản tố yêu cầu:

- Vô hiệu tờ di chúc do cụ Giữ và cụ CH lập, không đề ngày tháng do Ủy ban nhân dân xã T chứng thực ngày 27/6/2002

- Vô hiệu hợp đồng tặng cho ngày 26/12/2007 giữa cụ Lê Thị Giữ với bà Huỳnh Thị Đ đối với việc tặng cho 200 m² thuộc thửa 2891, TĐĐ số 3, sau này là thửa 441 TĐĐ số 3 mới.

- Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 441, TĐĐ số 6 tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Long An đứng tên Huỳnh Thị Đ.

- Yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của bà Lê Thị Giữ và ông Huỳnh CH để lại gồm thửa số 59, 60, 62, 411, tờ bản đồ số 6 (mới), tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh

Long An, yêu cầu chia làm 3 phần, ông H nhận 02 phần bằng hiện vật (một phần công sức đóng góp +1 suất thừa kế theo quy định của pháp luật).

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị D, bà Huỳnh Thị Y, bà Huỳnh Thị C, bà Huỳnh Thanh T trình bày: Các bà là con của cụ Giử và cụ CH. Các bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về thời gian chết, hàng thừa kế, di sản của cụ Giử và cụ CH. Tại Biên bản hòa giải ngày 30/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, các bà có yêu cầu phân chia di sản thừa kế cho mỗi nhận 1/6 trong khối di sản do cụ Giử và cụ CH để lại. Tuy nhiên tại bản tự KH cùng ngày 11/4/2023, các bà thay đổi ý kiến tại biên bản hòa giải, các bà từ chối nhận di sản thừa kế và cam kết việc từ chối nhận di sản không nhằm mục đích trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ tài sản của mình đối với người khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Đình Huy Tuấn trình bày: Ông là chồng của bà Đ. Trong vụ án ông không liên quan, không tranh chấp gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Minh Thu trình bày: Bà là vợ của ông H. Trong vụ án bà không liên quan, không tranh chấp gì.

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An có ý kiến tại Văn bản số 6175/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 19/9/2022: Thửa đất số 441, TĐĐ số 6 tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Long An được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Đ là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định.

Tại phiên tòa;

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và cho rằng bản di chúc cụ Giử và cụ CH để lại là di chúc có điều kiện nên đề nghị xem xét giao toàn bộ di sản cho bà Đ được toàn quyền sử dụng đất, bà Đ có nghĩa vụ thời cúng đồng thời không xác định đây là di sản D để thờ cúng. Ngoài ra, trong quá trình đất đang tranh chấp, bà Đ đã xây dựng 1 căn nhà tạm bằng tole trên thửa đất số 441, trường hợp Tòa án xác định đất không thuộc quyền sử dụng của bà Đ, bà Đ tự nguyện di dời toàn bộ.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách các đương sự, việc giải quyết vụ án đúng thời hạn quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Tài sản đang tranh chấp là đất và tài sản gắn liền với đất thuộc các thửa đất số 59, 60, 62, 441 cùng tờ bản đồ số 6 tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Long An (trừ mả, cây trồng). Trong quá trình giải quyết các đương sự không thống nhất trong việc xác định di sản thừa kế của cụ CH và cụ Giử. Bà Đ xác định thửa đất 441 tờ bản đồ số 6 bà đã được cụ Giử tặng cho bà khi còn sống, ông H cho rằng việc tặng cho không đúng quy định pháp luật nên thửa đất này vẫn là di sản thừa kế của cụ Giử và cụ CH. Hợp đồng tặng cho ngày 26/12/2007 giữa cụ Giử với bà Đ đối với thửa 441,

TBD số 3 đã được công chứng, đảm bảo về mặt hình thức nhưng đây là tài sản chung của cụ Giữ và cụ CH. Sau khi cụ CH chết, chỉ có cụ Giữ đứng ra tặng cho bà Đ mà không có ý kiến của ông H (người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ CH) là không đúng quy định pháp luật. Mặt khác trên phần đất cụ Giữ tặng cho bà Đ có 01 phần căn nhà do cụ Giữ xây dựng nhưng tại hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất không đề cập đến căn nhà trên là thiếu sót, căn nhà được xây dựng trên cả 02 thửa đất nhưng cụ Giữ chỉ tặng cho bà Đ 01 thửa đất có $\frac{1}{2}$ căn nhà trên đất, do đó việc tặng cho của cụ Giữ thuộc trường hợp có đối tượng không thực hiện được, phần đất này được xác định là di sản thừa kế của cụ Giữ và cụ CH.

Đối với Tờ di chúc lập năm 2002 có chữ ký của cụ CH và cụ Giữ được chủ tịch xã T chứng thực ngày 27/06/2002, tuy không đề ngày tháng năm nhưng đảm bảo về mặt hình thức, thể hiện ý chí tự nguyện của cụ CH và cụ Giữ. Tuy nhiên, đối tượng của tờ di chúc lại không rõ ràng (không đề rõ số thửa, tờ bản đồ), nội dung mâu thuẫn với nhau nên đề nghị HĐXX xác định tờ di chúc của 02 cụ lập năm 2002 được chứng thực ngày 27/06/2002 không đảm bảo điều kiện có hiệu lực pháp luật. Căn cứ Điều 650 Bộ luật Dân sự, đề nghị HĐXX chia thừa kế theo pháp luật. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lê Thị Giữ và cụ Huỳnh CH là 06 người con chung. Bà Huỳnh Thị Y, Huỳnh Thị D, Huỳnh Thị C, Huỳnh Thị Thanh T xác định không yêu cầu chia di sản trong vụ án này. Ông H yêu cầu nhận thêm công sức đóng góp là 01 kỷ phần thừa kế, tuy nhiên ông cũng không chứng minh được việc ông có công sức đóng góp nên đề nghị chia làm 02 phần bằng nhau cho bà Đ và ông H, xem xét chia cho bà Đ phần diện tích đất có nhà để đảm bảo ổn định cuộc sống.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Huỳnh Thị Đ khởi kiện yêu cầu chia thừa kế với ông Huỳnh Văn H. Ông Huỳnh Văn H có yêu cầu chia thừa kế, vô hiệu hợp đồng tặng cho, vô hiệu di chúc, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Huỳnh Thị Đ. Căn cứ Điều 27, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “*tranh chấp thừa kế, tranh chấp hợp đồng tặng cho, yêu cầu vô hiệu di chúc, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”, thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị D, bà Huỳnh Thị Y, bà Huỳnh Thị C, bà Huỳnh Thanh T, ông Lê Đình Huy Tuấn, bà Lê Thị Minh Thu có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử.

[3] Về xác định tư cách tố tụng: Theo Biên bản Thẩm định tại chỗ ngày 30/11/2020, trên phần đất đang tranh chấp tại thời điểm Tòa án thẩm định, ông Lê Thanh Liêm là người đang canh tác (trồng lúa) trên đất. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự trình bày ông Lê Thanh Liêm đã chết, các đồng thừa kế đã nhận lại đất và canh tác đến nay. Do đó Tòa án không đưa ông Liêm vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[4] Cụ Lê Thị Giữ (chết năm 2011) và cụ Huỳnh CH (chết năm 2007). Tài sản đang tranh chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc các thửa 59, 60, 62, 441 cùng tờ bản đồ số 6 tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Long An. Xét thấy nguồn gốc tài sản đang tranh chấp là do cụ bà Nguyễn Thị Vĩ (mẹ cụ Giữ) để lại.

Quá trình chung sống, cụ Giữ và cụ CH đã cùng nhau xây dựng nhà trên đất. Năm 1996, cụ Giữ được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ Giữ và cụ CH kết hôn trước năm 1965, thời điểm này, Luật Hôn nhân gia đình năm 1959 đang có hiệu lực pháp luật. Căn cứ Điều 15 Luật hôn nhân gia đình năm 1959 quy định: *“Vợ và chồng đều có quyền sở hữu, hưởng thụ và sử dụng ngang nhau đối với tài sản có trước và sau khi cưới”*. Như vậy, có căn cứ xác định khối tài sản này là tài sản chung của vợ chồng, là di sản do cụ Giữ và cụ CH để lại.

[5] Xét yêu cầu vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Giữ và bà Đ: Bà Đ đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 441, TĐĐ số 6 tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Long An trên cơ sở được cụ Giữ tặng cho quyền sử dụng đất theo hợp đồng tặng cho ngày 26/12/2007. Thửa đất trên được tách ra từ thửa đất số 80, TĐĐ số 3. Từ phân tích tại mục [3] thấy rằng, đây là tài sản chung của vợ chồng cụ Giữ và cụ CH. Sau khi cụ CH chết, năm 2007, cụ Giữ tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Đ mà không có sự đồng ý của ông H là người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ CH là vi phạm quy định của pháp luật trong giao dịch dân sự. Mặt khác, phần đất cụ Giữ tặng cho bà Đ có một phần căn nhà xây dựng trên 2 thửa đất là thửa 441 và thửa 62. Căn nhà là tài sản không thể phân chia nhưng cụ Giữ lại tặng 1 phần đất có 1 phần căn nhà cho bà Đ. Như vậy, hợp đồng tặng cho có đối tượng không thực hiện được theo quy định tại Điều 117, 408 Bộ luật dân sự. Do đó, yêu cầu của ông H về việc vô hiệu hợp đồng tặng cho nêu trên là có căn cứ.

[6] Từ phân tích trên, HĐXX xác định di sản của cụ Giữ và cụ CH để lại là các thửa đất số 59, 60, 62, 441 cùng tờ bản đồ số 6 tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Long An.

[7] Cụ Giữ và cụ CH chết có để lại 01 bản di chúc (năm 2002) không đề ngày tháng do Ủy ban nhân xã T chứng thực ngày 27/6/2002 có nội dung cụ Giữ và cụ CH để lại di sản cho bà Đ *“được trọn quyền sở hữu 400m² đất thổ, đất vườn 134 m² và nhà trên nền đất thổ, đất lúa 218 m² tờ bản đồ số 3 thửa 77 và 785m² ở tờ bản đồ số 3 thửa số 81 thể hiện trong Quyền sử dụng đất số 089519 với điều kiện sử dụng vào mục đích canh tác để có thu nhập thờ cúng ông bà tổ tiên không được chuyển nhượng cho người khác. Nếu không sử dụng thì phải để lại cho các anh chị con trong gia đình canh tác và thờ cúng”*. Do di chúc lập thời điểm năm 2002 nên HĐXX căn cứ Bộ luật Dân sự năm 1995 để xem xét nội dung và hình thức của di chúc. Về hình thức, di chúc đảm bảo hình thức theo quy định tại Khoản 3 Điều 653, Điều 661 Bộ luật Dân sự 1995. Tuy nhiên, nội dung di chúc thể hiện không rõ ràng ý chí của người để lại di sản là cho bà Đ được quyền sử dụng đất hay xác định đây là phần di sản D để thờ cúng. Cụ Giữ và cụ CH cho bà Đ được trọn quyền đối với di sản với điều kiện được canh tác không được chuyển nhượng là có sự mâu thuẫn về nội dung trong di chúc. Mặt khác, nếu xác định di sản D để thờ cúng, bà Đ được giao quản lý thì bà Đ bị hạn chế tất cả các quyền về thế chấp, tặng cho và định đoạt đối với di sản. Di chúc chỉ hạn chế quyền chuyển nhượng là không phù hợp theo quy định tại Khoản 1 Điều 693 của Bộ luật dân sự 1995: *“Trong trường hợp người lập di chúc có để lại một phần di sản D vào việc thờ cúng, thì phần di sản đó không được chia thừa kế và được giao cho một người đã được chỉ định trong di chúc quản lý để thực hiện việc thờ cúng”* và điểm b Khoản 1 Điều 642 Bộ luật dân sự 1995 quy định người quản lý di sản có nghĩa vụ: *“Bảo quản di sản; không được bán, trao đổi, tặng cho, cầm cố, thế chấp và định đoạt tài sản bằng các*

hình thức khác, nếu không được những người thừa kế đồng ý bằng văn bản;”. Do đó, yêu cầu của bà Đ về việc giải quyết thừa kế theo di chúc giao cho bà Đ được toàn quyền sử dụng đối với phần di sản này là không có căn cứ. Do có mâu thuẫn và không rõ ràng trong nội dung nên di chúc vô hiệu toàn bộ. HĐXX xem xét chia thừa kế theo pháp luật.

[8] Về hàng thừa kế của cụ Giữ và cụ CH: Các đương sự thống nhất xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Giữ và cụ CH gồm 06 người con: Huỳnh Văn H, Huỳnh Thị Y, Huỳnh Thị D, Huỳnh Thị C, Huỳnh Thị Thanh T, Huỳnh Thị Đ.

[9] Về yêu cầu chia thừa kế của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, bà D, bà Y, bà C, bà T có văn bản từ chối nhận di sản và cam kết việc từ chối nhận di sản không nhằm mục đích trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ tài sản của mình đối với người khác. Do đó HĐXX xem xét không chia thừa kế cho những người này. Ông H yêu cầu xem xét cho ông H một phần công sức đóng góp do có công giữ gìn di sản, chăm sóc cây trồng, sửa chữa nhà. Bà Đ không có yêu cầu xem xét công sức đóng góp nhưng bà Đ yêu cầu nhận toàn bộ di sản, yêu cầu này lớn hơn yêu cầu về công sức đóng góp. Do đó HĐXX vẫn xem xét công sức của cả ông H và bà Đ trong quá trình quản lý di sản (Án lệ 05/2016). Xét thấy trên đất có 01 căn nhà do cụ Giữ và cụ CH xây dựng, ông H và bà Đ quản lý di sản, đều có đóng góp nhưng không lớn nên HĐXX xem xét công sức của 2 bên là bằng nhau. Do di sản được chia cho 2 người và công sức đóng góp bằng nhau nên không cần thiết trích chia công sức đóng góp mà xem xét chia đều di sản thừa kế là phù hợp.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Đ và ông H đều yêu cầu nhận hiện vật. Xét thấy, di sản có thể chia được bằng hiện vật nhưng không thể chia đồng đều. Do đó cần cân nhắc xem xét đến nhu cầu sử dụng của từng người, người nhận nhiều hiện vật hơn sẽ phải thối hoàn giá trị cho những người được nhận ít hơn.

Chia cụ thể như sau: Tổng giá trị tài sản đang tranh chấp (trừ giá trị cây trồng trên đất, mỏ) theo Chứng thư thẩm định giá số 52/01/2021/TĐG LABDS ngày 01/3/2021 của Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ và tư vấn Hồng Đức là 1.428.901.000đ. Mỗi suất thừa kế có giá trị là 714.450.000đ.

- Bà Đ hiện nay chưa có nơi ở ổn định. Do đó chia cho bà Đ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc các thửa đất số 62, 441 tờ bản đồ số 6 và căn nhà cấp 4 trên đất, có giá trị tổng cộng là 790.597.500đ.

- Bà Đ phải thối hoàn giá trị cho ông H là 76.147.300đ

- Chia cho ông H quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc các thửa đất số 59, 60 TĐĐ số 6 có giá trị là 638.303.200đ.

[10] Về yêu cầu của ông H yêu cầu hủy giấy CNQSD đất số CD 480315, số vào sổ CS 095994 đối với thửa đất số 441, TĐĐ số 6 tại xã T, huyện B, tỉnh Long An do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cho bà Đ. Từ phân tích tại mục [3], có cơ sở xác định yêu cầu của ông H là có căn cứ. Tuy nhiên, theo hướng dẫn tại Công văn số 64/TANDTC-PC ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết yêu cầu này của đương sự.

Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa là có cơ sở.

[11] Theo Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 06/7/2023, ngoài các tài sản gắn liền với đất thể hiện tại Mảnh trích đo địa chính số 32-2021 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú lập ngày 15/01/2021 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B duyệt ngày 19/01/2021, quá trình giải quyết vụ án bà Đ còn xây dựng thêm 01 căn nhà tạm (vách tole, mái tole, nền lát gạch ceramic). Do phần đất có căn nhà tạm mới được xây dựng này đã được chia cho bà Đ nên bà Đ tiếp tục quản lý, sử dụng.

[12] Đối với mả (4) được xây dựng trên một phần thửa đất số 60 TBĐ số 6, giá trị các cây trồng trên đất, giá trị các vật dụng trong nhà, các đương sự thống không tranh chấp, ai được giao phần đất nào sẽ quản lý tài sản gắn liền với đất thuộc phần đất đó. Đây là sự tự nguyện của các đương sự nên HĐXX ghi nhận.

[13] Chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự ông Huỳnh Văn H và bà Huỳnh Thị Đ mỗi người phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá, đo đạc tương ứng với tài sản được chia. Tổng số tiền chi phí nêu trên là 20.000.000đ, bà Đ và ông H mỗi người phải chịu 10.000.000đ. Về tiền tạm ứng chi phí đo đạc định giá: bà Đ đã nộp 18.000.000đ, ông H đã nộp 2.000.000đ, nên ông H có trách nhiệm hoàn lại cho bà Đ số tiền 8.000.000đ. Phần của bà Đ đã nộp xong.

[14] Án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 04/6/2018 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Đ phải chịu 33.178.020đ, ông H phải chịu 32.578.020đ

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3, khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 147, các Điều 157, 158, 165, 166, 200, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 688, 117, 408, 500, 501, 502, 611, 612, 613, 650, 651, 652 và 660 Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ Điều 642, 653, 661, 693 Bộ luật Dân sự 1995;

Căn cứ các Điều 128, 188, 191 Luật Đất đai;

Căn cứ các Điều 12, 14, 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Đ đối với bị đơn ông Huỳnh Văn H về việc “tranh chấp về thừa kế tài sản”.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Huỳnh Văn H đối với nguyên đơn bà Huỳnh Thị Đ về việc “tranh chấp về thừa kế tài sản”.

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Huỳnh Văn H với nguyên đơn bà Huỳnh Thị Đ về việc “yêu cầu tuyên vô hiệu Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất”.

Vô hiệu Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được xác lập ngày 26/12/2007 giữa cụ Lê Thị Giữ với bà Huỳnh Thị Đ.

4. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Huỳnh Văn H đối với nguyên đơn bà Huỳnh Thị Đ về việc “yêu cầu tuyên vô hiệu di chúc”.

Vô hiệu Tờ di chúc không đề ngày tháng (năm 2002) do Ủy ban nhân dân xã T chứng thực ngày 27/6/2002 của cụ Lê Thị Giữ, cụ Huỳnh CH.

5. Chia cho ông Huỳnh Văn H được quyền sử dụng đất tại các thửa đất: thửa đất số 59, diện tích 756 m²; thửa đất 60, diện tích 205.3 m², cùng loại đất LUC, cùng TĐĐ số 6, cùng tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Long An và tài sản gắn liền với các thửa đất nêu trên là mồ mã có ký hiệu (4), diện tích đo đạc thực tế là 10 m², toàn bộ cây trồng trên đất.

6. Chia cho bà Huỳnh Thị Đ được quyền sử dụng đất tại các thửa đất: thửa đất số 441, diện tích 199.3 m², loại đất ONT; thửa đất số 62, diện tích 314.3 m² (trong đó có 200 m² loại đất ONT, 114.3 m² loại đất CLN), cùng tờ bản đồ số 6, cùng tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Long An và tài sản gắn liền với các thửa đất nêu trên là nhà (4) diện tích 70 m², nhà vệ sinh (2) diện tích 2.5 m², bể chứa nước (3) diện tích 3 m², nhà tole tiền chế (vách tole, mái tole, nền lát gạch Ceramic) và toàn bộ cây trồng trên đất.

7. Buộc bà Huỳnh Thị Đ có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Huỳnh Văn H giá trị kỷ phần thừa kế ông H được hưởng là 76.147.300đ (Bảy mươi sáu triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn ba trăm đồng).

(Vị trí, tứ cận, loại đất, chiều dài và chiều rộng các phần đất nêu trên được thể hiện theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính phân khu của Công ty TNHH Đo đạc nhà đất Hưng Phú dựa trên nền Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 32-2021 do Công ty TNHH Đo đạc nhà đất Hưng Phú lập ngày 15/01/2021 được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện B duyệt ngày 19/01/2021, được đính kèm bản án sơ thẩm).

(Các thửa đất số 59, 60, 62, cùng tờ bản đồ 6, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Long An (thửa cũ là 81, 77, 80 tờ bản đồ số 3) do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho cụ Lê Thị Giữ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 431417, số vào sổ H 01777 ngày 07/3/2008, Phòng tài nguyên Môi trường huyện B chỉnh lý ngày 21/3/2008 với nội dung: tách thửa 80 thành thửa 2891 và 80, sang tên cho bà Đ đối với thửa 2891). Thửa đất số 441 tờ bản đồ 6, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Long An do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cho bà Huỳnh Thị Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 480315, số vào sổ CS 09594, ngày 17/4/2017).

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để hoàn tất thủ tục kê KH, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp đối với phần đất thuộc quyền sử dụng của mình theo quy định của Luật đất đai.

8. Chi phí tố tụng (chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá): Bà Huỳnh Thị Đ và ông Huỳnh Văn H mỗi người phải chịu 10.000.000đ. Ông Huỳnh Văn H phải trả cho bà Huỳnh Thị Đ số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng). Phần của bà Đ đã nộp xong.

9. Về án phí sơ thẩm:

- Bà Huỳnh Thị Đ phải chịu 33.178.020đ. Khấu trừ tạm ứng án phí mà bà Đ đã nộp là 5.000.000đ theo biên lai thu số 0002410 ngày 14/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Bà Huỳnh Thị Đ phải nộp tiếp 28.178.020đ (H mươi tám triệu một trăm bảy mươi tám nghìn không trăm H mươi đồng).

- Ông Huỳnh Văn H phải chịu 32.578.020đ. Khấu trừ tạm ứng án phí mà ông H đã nộp là 10.600.000đ theo các biên lai thu số 0011983 ngày 22/07/2022 và 00110079 ngày 20/6/2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức. Ông Huỳnh Văn H phải nộp tiếp 21.978.020đ (H mươi một triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn không trăm H mươi đồng).

10. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công kH.

11. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015, mức lãi suất được áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

12. Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THA-DS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lệ Thu